

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **123 /2021/HNGĐ-ST**

Ngày 29/4 /2021

V/v “*Không công nhận là vợ chồng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vương Minh Tân**

2. Ông **Hà Hữu Bình**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Minh Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Hương Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 315/2020/HNGĐ-ST ngày 19/10/2020 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Đình Văn T**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ 12, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Tạm trú: Thôn Đ, xã T, thành phố T, tỉnh T.

Có mặt.

* *Bị đơn:* Chị **Vũ Thị Y**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Tổ 12, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn – anh Đình Văn T trình bày:

Anh và chị Vũ Thị Y lấy nhau vào đầu năm 2000 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định mà chỉ tổ chức cưới theo phong tục địa phương vào ngày 26/01/2000. Sau đó anh chị làm ăn và sinh sống tại nhà của bố mẹ anh tại thôn 19, xã Đ (nay là tổ 12, phường Đ, thành phố T, tỉnh T). Quá trình vợ chồng chung sống không có hạnh phúc do không có con chung và phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày. Hiện anh và chị Y đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Y, không thể đoàn tụ chung sống nên

làm đơn khởi kiện vụ án ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết không công nhận anh và chị Yên là vợ chồng để ổn định cuộc sống riêng của mỗi người.

Về con chung: Anh và chị Vũ Thị Y không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Y trước nay sống trên nhà đất của bố mẹ anh để lại tại tổ 12, phường Đ, thành phố T, vợ chồng không có tài sản chung gì có giá trị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh và chị Y không vay nợ ai hay cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết chị Vũ Thị Y không có mặt tại các buổi làm việc theo các giấy báo và thông báo của Toà án vì vậy không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa anh Đình Văn T và chị Vũ Thị Y.

** Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:* Anh Đình Văn T và chị Vũ Thị Y là công dân cùng có hộ khẩu thường trú tại tổ 12, phường Đ, thành phố T. Anh chị T-Y chung sống với nhau khoảng hơn chục năm nay tại địa phương, tuy nhiên việc anh chị có đăng ký kết hôn với nhau không thì tổ trưởng tổ dân phố không nắm được. Thời gian vừa qua có nắm được thông tin về việc anh chị T- Y có khúc mắc, mâu thuẫn nhau nguyên nhân là do vợ chồng chung sống đã lâu không có con và có dư luận về việc anh T có quan hệ với người khác dẫn đến có thai. Hiện anh chị T- Y sống ly thân, nghe nói anh T đã ra thuê nhà ở thôn Đ, xã T, thành phố T. Về tài sản: Trước khi ly thân, anh chị T- Y chung sống tại nhà đất mang tên bố mẹ đẻ của anh T tại tổ 12, phường Đ, thành phố T. Về việc tổng đạt và niêm yết văn bản tố tụng của Toà án: Tổ trưởng tổ dân phố có trực tiếp chuyển giao các văn bản của Toà án cho chị Vũ Thị Y nhưng chị Y từ chối không nhận. Sau khi văn bản được tiến hành niêm yết theo quy định tại nhà văn hoá của tổ thì có nghe dư luận về việc chị Y đã đến xem và nói những câu rất khó nghe.

** Kết quả xác minh tại gia đình anh Đình Văn T thể hiện:* Anh Đình Văn T và chị Vũ Thị Y kết hôn năm 2000 có tổ chức cưới theo phong tục địa phương nhưng không rõ anh chị có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật hay không. Sau khi cưới anh chị về ở chung với bố mẹ chồng một thời gian thì ra ở riêng trên đất của bố mẹ đẻ anh T ở Đội 19, thị trấn nông trường S, sau đổi thành thôn 19, xã Đ và nay là tổ 19, phường Đ, thành phố T. Quá trình chung sống anh chị T- Y không có con chung, gia đình bên nội nhiều lần động viên anh chị đi khám chữa đẻ sinh con nhưng cả hai anh chị đều không chịu khám chữa gì. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, chị Y không phải là người phụ nữ nhu mì và hiếu thảo với gia đình nhà chồng và bố mẹ chồng, nhiều khi có những lời nói và việc làm không đúng mực là người vợ, người con dâu trong gia đình. Hiện anh T và chị Y đã sống ly thân 2-3 năm nay, anh T đã thuê nhà ở riêng chỗ khác còn chị Y vẫn ở lại nhà cũ trên đất của gia đình nhà chồng tại tổ 12, phường Đ, thành phố Tuyên Quang. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh T và chị Y nay không thể hàn gắn được, đề nghị Toà án cho anh chị ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

** Kết quả xác minh tại UBND phường Đội Cấn thể hiện:* Hiện tại Ủy ban nhân dân phường Đội Cấn có lưu giữ sổ đăng ký kết hôn năm 2000 (từ ngày 27/7/2000 đến 23/11/2001 có số thứ tự từ 01 đến 116) nhưng kết quả tra cứu không có tên Đình Văn T và Vũ Thị Y; Tra

cứu các sổ đăng ký kết hôn từ năm 2001 đến hết tháng 12 năm 2020 không có tên người đăng ký kết hôn là Đinh Văn T và Vũ Thị Y.

Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, anh Đinh Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày thêm: Việc anh và chị Y không làm thủ tục đăng ký kết hôn là do nhận thức vì hôn nhân của anh chị được hai bên gia đình cưới hỏi, họ hàng làng xóm thừa nhận nên không nghĩ đến việc đăng ký kết hôn theo quy định. Thực tế cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị Y không hạnh phúc ngoài lý do không con cái còn có một lý do nữa là rất nhiều lần anh và gia đình anh vận động chị Y đi khám vô sinh nhưng chị Y không phối hợp. Anh nhận thấy chị Y có những tính toán riêng của bản thân mà không quan tâm chăm sóc anh. Ngoài ra vào khoảng cuối năm 2019 trở lại đây anh thấy có hiện tượng chị Y có mối quan hệ ngoài hôn nhân với một người đàn ông người Trung Quốc, có lần về nhà đã bắt gặp người đó trong nhà anh, có lần anh về thì chị Y khoá cửa không cho anh vào nhà nên anh đã đi thuê nhà nơi khác để ở. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Vũ Thị Y. Ngoài ra anh không đề nghị Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

Chị Vũ Thị Y vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đinh Văn T và chị Vũ Thị Y.

Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Anh Đinh Văn T và chị Vũ Thị Y không có nên không xem xét.

Về án phí: Anh Đinh Văn T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Vũ Thị Y bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện và niêm yết

theo quy định nhưng chị Y đều không đến Toà án giải quyết vụ việc mà không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Vũ Thị Y.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Từ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thể hiện: Anh Đinh Văn T và chị Vũ Thị Y chung sống với nhau từ năm 2000 cho đến nay nhưng không có căn cứ về việc anh chị đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi được gia đình hai bên cưới hỏi theo phong tục địa phương, anh chị về sinh sống tại tổ 12, phường Đ (thôn 9, xã Đ cũ), thành phố T đến năm 2019 thì ly thân do mâu thuẫn trong cuộc sống thường ngày. Đến nay mâu thuẫn không thể hoà giải, thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T đề nghị Toà án giải quyết không công nhận anh và chị Y là vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1, Điều 9; Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên bố không công nhận anh Đinh Văn T và chị Vũ Thị Y là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Đinh Văn T và chị Vũ Thị Y không có con chung nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh Đinh Văn T xác định vợ chồng không có tài sản chung gì có giá trị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng anh không có vay nợ chung trong quá trình chung sống, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Đinh Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Vũ Thị Y không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 9; Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Đinh Văn T và chị Vũ Thị Y là vợ chồng.

2. Về án phí: Anh Đinh Văn T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2019/0000660 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Anh T đã nộp đủ án phí.

Chị Vũ Thị Y không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Đinh Văn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Vũ Thị Y có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường Đội Cấn, TPTQ (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Thu Thủy

